

# Chuyện Đi Tây

Lê Đình Thương

Thời xa xưa tôi đọc chuyện “Đi Tây” của Nhật Linh mấy lượt, thích cái trào phúng của một tác giả tôi luôn khâm phục. Từ bé bố mẹ tôi theo học trường Tây, chữ nghĩa quốc ngữ không được mấy, nhiều lần làm trò cười cho bạn bè. Nhất là anh bạn “Già Thuận” nói tôi “đã không biết chữ mà đòi dùng chữ!”

Vâng, oái ăm thật. Chương trình trung học tôi dùng toàn tiếng Pháp. Tôi được phép chọn hai sinh ngữ là Anh văn và Việt văn, mỗi tuần hai giờ. Cha Bình, người dạy lớp Việt văn, cứ mỗi lần bực mình khi đọc bài vở lai căng của chúng tôi, thường hay mắng: “tụi bây là Việt gian”. Tôi không quên ông hay đọc truyện Tiêu Sơn Táng Sĩ trong lớp, nhắc khéo chúng tôi đừng quên Tây là thực dân. Vâng, con xin cảm ơn Cha. Nhờ Cha mà nhiều đứa bạn tôi sau này làm báo, viết văn khá chững chạc như Bùi Xuân Quang, Nguyễn Xuân Hồng là những bạn sinh sống ở Pháp bao nhiêu năm trường. Nhờ Cha mà tôi cũng quyết tâm sử dụng tiếng mẹ đẻ cho ra hồn, cũng rặn ra được vài bài thơ lục bát. Nhưng tôi vẫn biết mình cũng yếu lắm. Nhiều lúc đang làm việc, sực nhớ một từ ngữ, gọi điện thoại để hỏi anh BS Lê Văn Lân, người có vốn văn chương vô cùng sâu rộng. May là lúc đó anh làm cho Sở Y Tế Tiểu Bang NJ, tương đối nhàn rồi.

Trở lại chuyện đi Tây, thực ra đó cũng là một ước mơ của tôi, hồi đó nó xa vời quá. Cuối năm 1959, tôi ra bến tàu Sài Gòn tiễn đưa người bạn thân Nguyễn Xuân Hồng đi Paris học mà lòng xốn xang. Bà thầy bói đã nói tôi chưa có số xuất ngoại mà. Lúi thủi về Đại Học Khoa Học Sài Gòn theo lớp PCB. Năm sau, lại tiễn thêm một bạn thân khác là Hà Thúc Đạt đi Le Havre học về hàng hải. Hai đứa nó gặp nhau ở Paris, chụp hình gửi về có tháp Eiffel, hình vườn Luxembourg có kèm câu văn của Anatole France, làm tôi thêm tủi phận. Không hiểu khi ấy vì ầm ức không đi Tây được hay vì mới

biết yêu mà tôi đã hỏng kỳ thi cuối năm PCB ở Sài Gòn? Thôi đành thú thực vì ham chơi thì đúng hơn. Vào Sài Gòn học, tôi ở nhà người dì ruột. Dì lấy Dược Sư Hồ Đắc Ân cũng xuất thân trường dược ở Pháp, hồi đó có Viện Bào Chế tư đặt tên các thuốc đều có chữ AN ở cuối cùng như Eucalyptan, Algan, vv... Trong nhà có người giúp việc là các xẩm, ngồi vào bàn ăn theo kiểu Tây, muống nĩa đàng hoàng. Dượng tôi tính tình phóng khoáng, con trai lớn HDK cùng tuổi với tôi, hai đứa chơi thân lắm. Thỉnh thoảng dúi tiền vào túi tôi, bảo: “mấy đứa bây học nhiều rồi phải đi chơi faire la bombe”. Giải trí. Nhưng không bắt buộc lúc nào cũng giải trí lành mạnh đâu. Thời ấy, một số gia đình khá giả ở Sài Gòn sống mới mẻ như vậy, hơi Tây một chút đấy. Con trai đang thời phong độ, không cần khuyến khích tụi tôi cũng đã quá trời rồi! Lúc đó, mấy đứa bạn trong nhóm em họ tôi, cứ lái xe toàn là MGA, Triumph TR3, MG Midget Sprite... mà tôi lại là thằng mê xe, lúc ấy chỉ có chiếc Lambretta mua rẻ của một ông già vừa mới thua bạc ở trường đua Phú Thọ. Rốt cuộc chơi nhiều, học hơi ít. Mất đi một năm, ba mẹ tôi điệu ngay về Huế để tham gia lớp PCB đầu tiên. Lúc ấy trường Y Khoa Huế mới ra lò. Thế là mộng đi Tây tan tành mây khói. Ngay cả sống như Tây cũng không còn; hết có báo Paris Match, Ciné Revue hàng tuần. Về nhà ngồi trên phàn ăn cơm chén dưa quanh cái mâm đồng. Tự an ủi mình: Ta về ta tắm ao ta. Cũng nhờ không khí trầm lắng ở Huế mà nhóm bạn bè thân tình cùng chia sẻ những khó khăn của một Đại Học Y Khoa buổi ban đầu nên bằng đi một thời gian tôi không hoài vọng đi Tây nữa.

Khổ nỗi cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng! Bão táp tháng tư đen 1975, trại tù cộng sản không biết sống chết ra sao, cho tới lúc liều lĩnh vượt biển, chỉ cầu xin đến bến tự do, tôi không hề nghĩ tới Tây hay Mỹ, Gia Nã Đại hay Úc Châu cho đến khi may mắn cập vào đảo Pulau Bidong ở Mã Lai vào cuối tháng tư năm 1979. Thời cao điểm nhất với dân số 40,000 người trên hòn đảo 1 dặm vuông này. Số thứ tự đến của chiếc tàu chúng tôi là 402.

Lúc ấy trên đảo, người ta chỉ mới giải quyết cho đi hết tàu thứ sáu mà thôi. Vợ tôi lại mang bầu ba tháng! Bối rối băn khoăn, chẳng biết làm sao. Thêm nữa, trong thân chẳng mang giấy tờ gì, chỉ có mảnh bằng Tú Tài Pháp mang theo vì nghĩ nếu lỡ đi đường bị bắt, thì giấy tờ ấy là ít tai hại nhất.

Thế rồi sau nhiều ngày theo dõi giờ giấc làm việc của phái đoàn Pháp trên đảo. Một đêm nọ, tôi đột kích một đoàn viên trong phái đoàn Pháp. Dùng tiếng Pháp hay nhất của mình, tôi chỉ xin anh ta cho tôi 2 phút để trình bày hoàn cảnh khó khăn của vợ tôi. Rằng, với văn hóa nhân bản của Pháp mà tôi đã bao năm theo học, tôi mong sao con tôi được sinh ra yên ổn ở trên đất Pháp tự do thay vì ở nơi thiếu thốn khó khăn trên đảo tị nạn. Tôi còn chuôi mảnh bằng duy nhất của tôi kèm tấm giấy tên họ cả gia đình tôi cho anh ta. Trời đất xui khiến, anh ta sinh lòng cảm động thật sự và hứa sẽ giúp tôi.

Quả nhiên hai tuần sau, tôi được kê lên phòng vấn, và chưa đầy hai tháng sau gia đình tôi đã rời đảo Pulau Bidong qua Kuala Lumpur làm thủ tục đi Pháp. Thế là mộng đi Tây của tôi nay mới thành tựu, tuy trong bối cảnh hơi đau lòng. Không phải đi du học, hay du lịch, mà là bỏ đất nước, bỏ lại cha mẹ già đi tìm đất dung thân. Cũng vào lúc ấy, vị đương kim tổng thống Pháp, Jacques Chirac, nguyên thị trưởng thành phố Paris, đang o bế cảm tình của dân Pháp đối với đám dân tị nạn người vượt biển. Chuyến máy bay đưa nhóm 300 người tị nạn từ Kuala Lumpur đến Paris là do Ông Chirac thuê cho. Lúc máy bay đáp xuống phi trường Charles de Gaulle ngày 15 tháng 7 năm 1979, đích thân Ông Chirac ra đón, dĩ nhiên với phóng viên TV âm ỉ. Không hiểu từ đâu có người chạy tới kéo tay tôi: Anh vui lòng đại diện cho cả nhóm nói vài lời với Ông Thị Trưởng đi! Thế là không những tôi được đặt chân tới đất Pháp, mà còn bắt tay Vị Tổng Thống tương lai của nước Pháp trước mặt đài truyền hình, báo chí. Bà dì của vợ tôi ở Bordeaux đang xem TV chợt thấy mặt tôi: có phải Thương, chồng Túy đây không? Bà hỏi chồng BS

Nguyễn Ngọc Giao. À té ra tụi nó vượt biên thoát khỏi CS được rồi! Mấy bạn thân của tôi cũng nhờ đó biết tin, chạy đến centre Debrousse đón chúng tôi. Nguyễn Xuân Hồng, Hà Thúc Đạt, trong bộ tứ chúng tôi thường hay gọi nhau là Les Mousquetaires, nay mới đúng là 20 năm mới gặp lại nhau như tiểu thuyết nhan đề “Vingt ans après” của văn hào Alexandre Dumas. Chỉ còn thiếu một tay là Võ Đình Ngọc, đang trong lao tù cộng sản VN. Mặc dầu thoát hiểm, đến đất lành, gặp bạn thân, nhưng không hiểu sao Paris lúc đó không hấp dẫn như trong trí tưởng tượng của tôi thuở nào. Hà Thúc Đạt đón chúng tôi về nhà, khởi ở trại tạm trú. Sophie, vợ Đạt, bà đầm tóc vàng chính cống, tuy mới quen, đã ân cần sốt sắng, vừa lo làm thủ tục giấy tờ, vừa đem đi xem Paris cho thỏa chí mấy mươi năm chờ mong.

Thất vọng đầu tiên: tôi đến nộp đơn tại sở Y Tế để thi lại bằng hành nghề bị trễ ba ngày. Phải chờ 1 năm sau mới nộp lại được cho kỳ thi tới. Nhiều nhân vật ngay trong bộ Y Tế cố gắng xoay sở cho cũng không thay đổi được guồng máy. Để an ủi tôi được cấp giấy cho phép hành nghề y tá trong khi chờ đợi. Người ta giúp tìm việc cho tôi cũng nhanh và giúp thuê nhà ở Sceaux, cách Paris độ 10km. Mấy tháng đầu làm ở bệnh viện Blignicauch Paris cách 30km, sáng sớm dậy 5 giờ sáng, lái xe mất 1 tiếng, bắt đầu ca lúc 6:30 sáng. Sau được về làm y tá trưởng viện dưỡng lão ở Sceaux chỉ đi bộ về nhà. Phụ tá cho tôi thì có 6 vị y tá và 1 bà Sơ quản lý. Trên đầu chỉ có Bác sĩ Giám Đốc, mỗi tháng xẹt qua 1 lần. Tháng 9 năm 1979, thằng con út của tôi ra đời làm dân Tây nửa mùa.

Đời sống cũng tạm ổn định, với 4 đứa con, tiền trợ cấp gia đình (allocation familiale) cũng gần bằng tiền lương. So với lương một bác sĩ mới vào nghề lương tôi cũng không thua bao nhiêu. Biết tiếng Pháp cũng như văn hóa Pháp, chúng tôi không có khó khăn hòa mình vào đời sống xã hội này. Tuy nhiên, tôi không có thì giờ, hay nói đúng hơn, không có tâm trạng để đón nhận những món ăn tinh thần mà tôi hằng mong tưởng: thưởng

thức những kho tàng nghệ thuật, văn hóa, kiến trúc của nước Pháp. Lái xe trong Paris ồn ào, rộn rịp, tôi lại nhớ Sài Gòn, đi xem các lâu đài vùng sông Loire, tôi lại nhớ các lăng tẩm ở Huế, ăn foie gras ở Toulouse tôi thấy không ngon bằng nem Huế, đi trên con đường lát đá cục thấy gồ ghề không bằng đường lát gạch ở làng tôi, bách bộ trên bờ sông Seine thì ôi thôi làm sao bằng sông Hương thơ mộng của cố đô, muốn hát nhỏ bài Sous les ponts de Paris thì lại vắng vắng tiếng hò Huế.

Vợ tôi cũng cùng một tâm trạng, nhân chuyện nộp đơn thi lại bị trễ nãi, ngộ ý muốn qua Mỹ sống. Với một lý do toán học giản dị: ở Pháp vợ tôi chỉ có một người em, ở Mỹ bà có tới 8. Đối với tôi lúc ấy ở đâu cũng là lưu lạc tha hương. Mộng Đi Tây đã thành tựu mà tôi cũng tỉnh mộng. Thôi thì Pháp cũng vậy, Mỹ cũng vậy. Chứ nếu không giờ này tôi chắc đang hì hục giúp các anh chị ở Paris tổ chức Đại Hội Quốc Tế Y Nha Dược kỳ III thay vì đang lo sốt vó chuẩn bị cho Đại Hội Y Sĩ VN tại Hoa Kỳ năm 2001 tại New York. ■

## *Tinh Tâm Mùa Vọng*

*Tinh tâm mùa vọng năm nay  
Bình an Thánh Thể là hai điều cần  
Sốt sắng đi lễ mỗi tuần  
Ruốc Minh Thánh Chúa tinh thần bình an  
Dù có sức khỏe giàu sang  
Bình an không có thiên đàng còn đâu  
Mở lòng đón chúa mai sau  
Thiên đàng ta đến đón chào chúa yêu! ■*

**Chương Đài**

## *Mỗi Người Mỗi Sở Thích*

*Mỗi người mỗi sở thích  
Quan niệm sống khác nhau  
Sống sao ta hạnh phúc  
Không hối tiếc giây nào*

*Đời người dài người ngắn  
Người nghèo khó giàu sang  
Không ganh đua so sánh  
Cuộc sống ta an nhàn*

*Biết đủ là sẽ đủ  
Buông bỏ sống an vui  
Còn bao nhiêu năm nữa  
Ta sống ở trần đời*

*Giữ tâm luôn bình thản  
Giữa biển cổ cuộc đời  
Hạnh phúc được thành thời  
Cùng bạn đời phiêu lãng!*

**Chương Đài 11/8/24**

## *Hạnh Phúc*

*Hãy dùng mắt nhìn sự đời thiện cảm  
Đừng nhìn người âm đạm ghét khinh khi  
Hãy dùng tai nghe phân biệt những gì  
Sai hay đúng đừng vì theo kẻ xấu  
Hãy dùng miệng nói những lời yêu dấu  
Đừng cứ luôn cay nghiệt tổn thương người  
Bởi đời này chẳng biết trước ai ơi  
Bao lâu nữa ta sẽ rời trần thế  
Hãy đổi thay đừng để nên quá trễ  
Khi mắt ta không còn thể nhìn xa  
Tai ta điếc miệng chẳng thể nói ra  
Lời yêu thương ra đi trong hối hận! ■*

**Chương Đài 11/9/24**